TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SƠN TÂY – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ - ST
Ngày 31 /3/2023.
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lã Hùng Cường.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Quang Hòa.

Ông Phùng Khắc Tuấn.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Ngọc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/2/2023,về việc Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST- DS ngày 20/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mông Thị Tuyết M, sinh năm: 1985.

Nơi ĐKHKTT: Ấp 3, xã Lộ 25, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Hiện địa chỉ: Số 55, ngõ 30, PK, phường V, quận Nam Từ Liêm, t.p Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Lê Duy Q, sinh năm: 1984

ĐKHKTT: Số 21, PCT, phường Q, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 8, K3 Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Chị M có mặt. Anh Q xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Mông Thị Tuyết M là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Lê Duy Q kết hôn ngày 20/12/2019 có đăng ký tại UBND phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây. Trong quá trình chung sống chị và anh Q có nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh Q không quan tâm nhiều đến gia đình, nghiện ma túy phải đi cai nghiện và nhiều lần đã có hành vi vi phạm pháp luật hình sự bị kết án. Chị cũng có góp ý cho anh Q nhưng không được và còn có hành vi đánh chị làm trị phải đi bệnh viện chữa trị. Hiện tại anh Q đang phải chấp hành

hình phạt tù tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An**.** Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Về con chung chị và anh Q có 01 con chung là Lê Tuệ A, sinh ngày: 10/5/2020, hiện tại cháu đang ở cùng mẹ, khi ly hôn chị M xin được nuôi con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Lê Duy Q đang chấp hành án tại trại giam. Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã gửi kết quả ủy thác cho Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây. Tại biên bản lấy lời khai anh Lê Duy Q trình bày: Anh và chị M có kết hôn tự nguyện ngày 20/12/2019 và đăng ký tại UBND phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây như chị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thị xã Sơn Tây, hiện tại anh đang chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, bản án 05 năm tù về tội :Trộm cắp tài sản. Quá trình chấp hành án thì chị M không thăm gặp, không gửi lưu ký cho anh. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị M xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh và chị M có 01 con chung là Lê Tuệ A, sinh ngày: 10/5/2020, hiện tại cháu đang ở cùng mẹ, khi ly hôn chị M xin được nuôi con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng anh đồng ý vì hiện tại anh đang chấp hành án. Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh đang chấp hành án nên anh Q đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

1. Về việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Duy Q xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin hôn của chị Mông Thị Tuyết M, chị M được ly hôn anh Lê Duy Q. Về con chung giao cho chị Mông Thị Tuyết M được trực tiếp nuôi cháu Lê Tuệ Anh, sinh ngày: 10/5/2020, ghi nhận sự tự nguyện của chị M, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, công sức và nợ chung của, chị M, anh Q đều xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà;

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân

nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh Lê Duy Q xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Anh Lê Duy Q có quyền và nghĩa vụ sau khi xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Mông Thị Tuyết M và anh Lê Duy Q kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Q là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Mông Thị Tuyết M và anh Lê Duy Q đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân chị M cho rằng anh Q không quan tâm nhiều đến gia đình, nghiện ma túy phải đi cai nghiện và nhiều lần đã có hành vi vi phạm pháp luật hình sự bị kết án và còn có hành vi đánh chị. Hiện tại anh Q đang phải chấp hành hình phạt tù, từ đó vợ chồng không đồng cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị M xin ly hôn anh Q cũng đồng ý. Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh Q đã đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3]Về con chung: Chị Mông Thị Tuyết M và anh Lê Duy Q có một con chung là Lê Tuệ A, sinh ngày: 10/5/2020, hiện tại đang ở cùng chị M. Hội đồng xét xử xác định việc chị M được trực tiếp nuôi con là đảm bảo được sự phát triển tốt nhất về tâm sinh lý, thể chất, sinh hoạt của các cháu. Vì vậy giao cháu Lê Tuệ Anh cho chị M được trực tiếp nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị M, anh Q đều xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xét.

[5]Về án phí: Chị Mông Thị Tuyết M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mông Thị Tuyết M, chị Mông Thị Tuyết M được ly hôn anh Lê Duy Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Mông Thị Tuyết M được trực tiếp nuôi con chung là Lê Tuệ Anh, sinh ngày: 10/5/2020. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con đối với anh Lê Duy Q cho đến khi có yêu cầu mới. Anh Lê Duy Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mông Thị Tuyết M phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Mông Thị Tuyết M đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0056601 ngày 03/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Mông Thị Tuyết M, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Duy Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX Sơn Tây;
- Chi cục THADS TX Sơn Tây;
- UBND Nơi ĐKHK, ĐKKH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mông Thị Tuyết M, chị Mông Thị Tuyết M được ly hôn anh Lê Duy Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Mông Thị Tuyết M được trực tiếp nuôi con chung là Lê Tuệ Anh, sinh ngày: 10/5/2020. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con đối với anh Lê Duy Q cho đến khi có yêu cầu mới. Anh Lê Duy Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mông Thị Tuyết M phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Mông Thị Tuyết M đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0056601 ngày 03/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Mông Thị Tuyết M, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Duy Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**